

Tuần 34

Thứ hai ngày 20 tháng 4 năm 2015

Buổi sáng:

Tập đọc

Tiếng cười là liều thuốc bổ

(Theo báo Giáo dục và Thời đại)

I.Mục tiêu:

- Đọc lưu loát, trôi chảy toàn bài. Biết đọc bài với giọng rõ ràng, rành mạch.
- Hiểu nội dung: Tiếng cười làm cho con người khác với động vật, làm cho con người hạnh phúc, sống lâu.

II.Đồ dùng dạy học:

Tranh minh họa SGK.

III.Các hoạt động:

A.Kiểm tra bài cũ:

Hai HS học thuộc lòng bài *Con chim chiền chiện* và nêu nội dung.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Luyện đọc và tìm hiểu bài:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p><i>a.Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV hướng dẫn cách ngắt câu dài, kết hợp giải nghĩa từ khó.- GV đọc diễn cảm toàn bài. <p><i>b.Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Phân tích cấu tạo của bài báo trên. Nêu ý chính của từng đoạn?- Vì sao nói tiếng cười là liều thuốc bổ?- Người ta tìm cách tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì?- Em rút ra điều gì qua bài này? Hãy chọn ý đúng, <p><i>c.Luyện đọc diễn cảm:</i></p>	<p>HS: Nối tiếp nhau đọc 3 đoạn của bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- Luyện đọc theo cặp.- 1 - 2 em đọc cả bài. <ul style="list-style-type: none">- Đoạn 1: Tiếng cười là đặc điểm quan trọng, phân biệt con người với các loài động vật khác.- Đoạn 2: Tiếng cười là liều thuốc bổ.- Đoạn 3: Người có tính hài hước sẽ sống lâu.- Vì khi cười tốc độ thở của con người tăng lên đến 100 kim/1giờ, các cơ mặt thư giãn, não tiết ra 1 chất làm con người có cảm giác sảng khoái, thỏa mãn.- Để rút ngắn thời gian điều trị bệnh nhân, tiết kiệm tiền cho Nhà nước.- ý b: Cần biết sống 1 cách vui vẻ.

- GV hướng dẫn luyện đọc diễn cảm 1 đoạn và thi đọc. - Cả lớp và GV nhận xét.	HS: 3 em nối nhau đọc 3 đoạn văn. HS: Thi đọc đúng.
--	--

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Củng cố nội dung bài.

Toán

ôn tập về đại lượng (Tiếp)

I. Mục tiêu:

- Giúp HS: Ôn tập về các đơn vị đo diện tích và mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.
- Rèn kỹ năng chuyển đổi đơn vị đo diện tích và giải các bài toán liên quan.

II. Đồ dùng:

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn luyện tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
+ Bài 1: Y/c HS tự làm bài. - Gọi HS tiếp nối nhau đọc KQ đổi đơn vị của mình trước lớp. - GV nhận xét bài làm của HS.	- Đọc yêu cầu, tự làm bài. - 4 HS tiếp nối nhau đọc, mỗi em đọc 1 phép đổi.
+ Bài 2: - GV hướng dẫn HS chuyển đổi từ các đơn vị lớn ra các đơn vị bé và ngược lại, từ danh số phức thành các danh số đơn và ngược lại.	$103 \text{ m}^2 = 10300 \text{ dm}^2$ $60000 \text{ cm}^2 = 6 \text{ m}^2$ $8 \text{ m}^2 50 \text{ cm}^2 = 80050 \text{ cm}^2$ $1/10 \text{ m}^2 = 1000 \text{ cm}^2$
+ Bài 3: Nhắc HS chuyển đổi về cùng đơn vị rồi mới so sánh. - GV và cả lớp nhận xét.	HS: Đọc yêu cầu và tự làm. - 2 em làm bảng, lớp làm vở.
+ Bài 4: Y/c HS tự làm bài.	- Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm. - Dán bảng và trình bày. <i>Bài giải:</i> Diện tích thửa ruộng đó là: $64 \times 25 = 1.600 \text{ (m}^2\text{)}$ Thửa ruộng đó thu hoạch được là:

Buổi chiều:

Kỹ thuật

Lắp ghép mô hình tự chọn (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

- Biết tên gọi và chọn được các chi tiết để lắp ghép mô hình tự chọn.
- Lắp được từng bộ phận và lắp ghép mô hình tự chọn theo đúng kỹ thuật, đúng quy trình.
- Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo.

II.Đồ dùng dạy học:

Mô hình SGK.

III.Các hoạt động:

1.Hoạt động 2: Chọn và kiểm tra các chi tiết.

- Chọn,kiểm tra các chi tiết đúng và đủ.
- Các chi tiết phải xếp theo từng loại vào nắp hộp.

2.Hoạt động 3: HS thực hành lắp mô hình đã chọn.

a.Lắp từng bộ phận.

b.Lắp ráp mô hình hoàn chỉnh:

3.Hoạt động 4: Đánh giá kết quả học tập của HS:

- Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm.
- Trưng bày sản phẩm theo nhóm.
- Nêu những tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm:

- + Lắp được mô hình tự chọn.
- + Lắp đúng kỹ thuật, đúng quy trình.
- + Lắp mô hình chắc chắn, không bị xô lệch.

-Dựa vào những tiêu chuẩn trên tự đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.

-NX, đánh giá kết quả học tập của HS

- GV nhắc HS tháo các chi tiết và xếp gọn vào hộp.
- Tháo và cất các chi tiết vào hộp.

4.Củng cố , dặn dò:

- NX tiết học. Củng cố nội dung bài.

Tiếng Anh

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Giáo dục kỹ năng sống

Chủ đề 6: Em biết chi tiêu thông minh (Tiết 2)

I.Mục tiêu.

Giúp HS hiểu: -Việc sử dụng tiền cần biết cân đối với 3 mục đích sau: mua sắm, tiết kiệm và chia sẻ.

-Biết học cách chi tiêu khoa học, hợp lí từ nhỏ sẽ giúp chúng ta tránh hình thành thói quen tiêu tiền lãng phí và rơi vào tình trạng chi không kiểm soát, mất khả năng chi trả sau này.

II.Đồ dùng.

Tranh minh họa SGK.

III.Các hoạt động dạy học.

A.Bài cũ.

B.Dạy bài mới.

1.Giới thiệu bài.

2.Nội dung.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò																																																																
<p>a)Chi tiêu trong gia đình -Y/c HS báo cáo nội dung cuộc thảo luận cùng cha mẹ để hiểu được những chi tiêu hàng ngày, hàng tháng cho em, cho gia đình.</p> <p style="text-align: center;">Các khoản chi tiêu hàng tháng cho em</p> <table border="1"><thead><tr><th><i>Khoản chi</i></th><th><i>Số tiền</i></th></tr></thead><tbody><tr><td>Tiền học buổi chiều</td><td>110.000 đồng</td></tr><tr><td>Tiền ăn bán trú</td><td>230.000 đồng</td></tr><tr><td>Tiền ăn sáng</td><td>100.000 đồng</td></tr><tr><td>Tiền sữa + bánh ngọt</td><td>330.000 đồng</td></tr><tr><td>Tổng</td><td>770.000 đồng</td></tr></tbody></table> <p style="text-align: center;">Các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình</p> <table border="1"><thead><tr><th>TT</th><th>Các khoản chi</th><th>Sử dụng cho</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Rau</td><td></td><td>15 000 đồng</td></tr><tr><td>2</td><td>Thức ăn</td><td></td><td>50 000 đồng</td></tr><tr><td>3</td><td>Sữa</td><td></td><td>7 000 đồng</td></tr><tr><td>4</td><td>Ăn sáng</td><td></td><td>6 000 đồng</td></tr><tr><td>5</td><td>Bánh ngọt</td><td></td><td>4 000 đồng</td></tr><tr><td>Tổng</td><td></td><td></td><td>82 000 đồng</td></tr></tbody></table> <p style="text-align: center;">Các khoản chi tiêu hàng tháng của gia đình</p> <table border="1"><thead><tr><th>TT</th><th>Các khoản chi</th><th>Sử dụng cho</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tổng</td><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table>	<i>Khoản chi</i>	<i>Số tiền</i>	Tiền học buổi chiều	110.000 đồng	Tiền ăn bán trú	230.000 đồng	Tiền ăn sáng	100.000 đồng	Tiền sữa + bánh ngọt	330.000 đồng	Tổng	770.000 đồng	TT	Các khoản chi	Sử dụng cho	Số tiền	1	Rau		15 000 đồng	2	Thức ăn		50 000 đồng	3	Sữa		7 000 đồng	4	Ăn sáng		6 000 đồng	5	Bánh ngọt		4 000 đồng	Tổng			82 000 đồng	TT	Các khoản chi	Sử dụng cho	Số tiền																	Tổng				<p>-Lần lượt từng HS báo cáo.</p>
<i>Khoản chi</i>	<i>Số tiền</i>																																																																
Tiền học buổi chiều	110.000 đồng																																																																
Tiền ăn bán trú	230.000 đồng																																																																
Tiền ăn sáng	100.000 đồng																																																																
Tiền sữa + bánh ngọt	330.000 đồng																																																																
Tổng	770.000 đồng																																																																
TT	Các khoản chi	Sử dụng cho	Số tiền																																																														
1	Rau		15 000 đồng																																																														
2	Thức ăn		50 000 đồng																																																														
3	Sữa		7 000 đồng																																																														
4	Ăn sáng		6 000 đồng																																																														
5	Bánh ngọt		4 000 đồng																																																														
Tổng			82 000 đồng																																																														
TT	Các khoản chi	Sử dụng cho	Số tiền																																																														
Tổng																																																																	

cộng	
<p>b) Em tập chi tiêu cho gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS giúp cha mẹ lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình trong 1 tuần. - Y/c HS báo cáo. - NX, khen ngợi HS biết lập kế hoạch chi tiêu hợp lí, tiết kiệm. - Số tiền gia đình em sẽ chi tiêu trong 1 tuần là bao nhiêu? - Em nhận thức được điều gì từ 2 bài tập về chi tiêu trong gia đình? - Nx, khen ngợi HS và đưa ra lời khuyên cuối bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Suy nghĩ, hoàn thiện bảng chi tiêu. - Tiếp nối nhau báo cáo kế hoạch chi tiêu của gia đình mình trong 1 tuần. - 1 số HS báo cáo. - Việc sử dụng tiền cần biết cân đối với 3 mục đích: mua sắm, tiết kiệm và chia sẻ. - Biết cách chi tiêu khoa học, hợp lí từ nhỏ sẽ giúp chúng ta tránh hình thành thói quen tiêu tiền lãng phí và rơi vào tình trạng chi không kiểm soát, mất khả năng chi trả sau này.

3. Củng cố dặn dò.

- Nhận xét giờ học. Củng cố nội dung bài

Thứ ba ngày 21 tháng 4 năm 2015

Buổi sáng:

Chính tả (Nghe viết)

Nói ngược

I. Mục tiêu:

- Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đúng bài về dân gian “Nói ngược”.
- Làm đúng bài tập chính tả, phân biệt âm đầu và dấu thanh để lẫn r/d/gi, dấu hỏi, ngã.

II. Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy □ học:

A. Kiểm tra:

3 HS viết bảng, lớp viết nháp 5 từ láy trong đó tiếng nào cũng có âm ch hoặc tr.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS nghe □ viết:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
- GV đọc bài về “Nói ngược”.	HS: Theo dõi SGK.

+ Bài 2: Y/c HS nêu cách vẽ hình vuông ABCD có cạnh dài 3 cm.

-

-Nhận xét, khen ngợi những em làm đúng

+ Bài 3: Y/c HS quan sát hình vuông, hình chữ nhật sau đó tính chu vi và diện tích của 2 hình này rồi mới rút ra kết luận.

- GV cùng cả lớp nhận xét.

+ Bài 4: Hướng dẫn HS phân tích bài toán.

+Lưu ý HS có thể đổi ra đơn vị cm^2 để tính số viên gạch.

-1 em nêu trước lớp, cả lớp theo dõi.

HS: Vẽ hình vuông có cạnh dài 3 cm sau đó tính chu vi và diện tích.

- Một HS lên bảng làm.

- Cả lớp làm vào vở.

Giải:

Chu vi hình vuông là:

$$3 \times 4 = 12 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình vuông là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 12 cm; 9 cm^2 .

HS: Đọc yêu cầu và tự làm bài vào vở.

- Lớp làm vở, 1 em làm bảng.

-KL: a, b, c sai; d đúng

-Lớp làm vở, 1 em làm bảng nhóm.

-Dán bảng và trình bày.

Giải:

Diện tích phòng học đó là:

$$5 \times 8 = 40 \text{ (m}^2\text{) hay } 4000 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích 1 viên gạch men là:

$$20 \times 20 = 400 \text{ (cm}^2\text{) hay } 4 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Số viên gạch cần dùng để lát là:

$$4000 : 4 = 1000 \text{ (viên gạch)}$$

Đáp số: 1000 viên gạch.

3.Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Củng cố nội dung bài.

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: Lạc quan - yêu đời

I.Mục tiêu:

- Tiếp tục mở rộng hệ thống hóa vốn từ về tinh thần lạc quan, yêu đời.
- Biết đặt câu đúng ngữ pháp, có hình ảnh với các từ thuộc chủ điểm.

II.Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>* Bài 1:</p> <p>-Gọi HS nêu từ chưa hiểu nghĩa. +Lưu ý: Từ chỉ hoạt động trả lời câu hỏi <i>Làm gì?</i> Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi <i>Cảm thấy thế nào?</i> Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi <i>Là người thế nào?</i></p> <p>-Y/c HS làm việc theo nhóm.</p> <p>-Gọi HS dán bảng nhóm và trình bày. Các nhóm khác NX, bổ sung. - GV cùng cả lớp nhận xét kết luận lời giải đúng.</p> <p>Bài 2: GV nêu yêu cầu. -Y/c HS tự làm bài. Nhắc HS đặt càng nhiều câu càng tốt.</p> <p>-Gọi HS dưới lớp đọc câu mình đặt. -Theo dõi, sửa lỗi câu cho HS.</p> <p>* Bài 3: Y/c HS làm việc trong nhóm, cùng tìm các từ miêu tả tiếng cười</p> <p>-GV nhận xét, kết luận các từ đúng. -Gọi HS đặt câu với các từ vừa tìm được. -Sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS. VD: Cười khúc khích</p> <p>Cười sằng sặc Cười hí hí</p>	<p>HS: Đọc yêu cầu bài tập.</p> <p>-Cùng đặt câu hỏi, câu trả lời để xếp từ vào nhóm thích hợp. -Đọc, NX bài làm của nhóm bạn và chữa bài nhóm mình.</p> <p>HS: Suy nghĩ làm bài. - 2 HS đặt câu trên bảng. HS dưới lớp viết vào vở. - NX câu bạn đặt trên bảng. -Tiếp nối nhau đọc câu mình đặt.</p> <p>HS: Đọc yêu cầu và tự làm bài. - Hoạt động nhóm theo yêu cầu. - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>-Tiếp nối nhau đọc câu mình đặt trước lớp.</p> <p>→ Máy bạn nữ .đang cười khúc khích phía cuối lớp. → Chị ấy cười sằng sặc vẻ khoái trá. → Máy bạn học sinh cười hí hí trong góc lớp.</p>

3. Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Củng cố nội dung bài.

Khoa học

ôn tập: thực vật và động vật

I.Mục tiêu:

+ HS củng cố và mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa sinh vật và sinh vật thông qua quan hệ thức ăn .

+ Vẽ và trình bày sơ đồ mối quan hệ về thức ăn của một nhóm sinh vật.

II.Đồ dùng dạy học:

- Hình minh hoạ SGK.

III.Các hoạt động dạy - học:

HS lên bảng vẽ sơ đồ chuỗi thức ăn và giải thích.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2. Mối quan hệ về thức ăn và nhóm vật nuôi, cây trồng, động vật sống hoang dã.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>-Hãy quan sát và nói những hiểu biết của em về những cây trồng, con vật đó? +Cây lúa: Thức ăn của cây lúa là nước, không khí, ánh sáng, các chất khoáng hoà tan trong đất. Hạt lúa là thức ăn của chuột, gà, chim. +Chuột: Chuột ăn lúa, gạo, ngô, khoai và nó cũng là thức ăn của rắn hổ mang, đại bàng, mèo, gà. +Cú mèo: Thức ăn của cú mèo là chuột.</p> <p>-Mối quan hệ thức ăn được bắt đầu từ sinh vật nào? -Tổ chức cho HS hoạt động nhóm.</p> <p>-Y/c HS trình bày.</p> <p>-NX về sơ đồ và cách giải thích sơ đồ của từng nhóm.</p>	<p>-Quan sát hình minh hoạ SGK.</p> <p>-Tiếp nối nhau trả lời. +Đại bàng: Thức ăn của đại bàng là gà, chuột; xác chết của đại bàng là thức ăn của nhiều loài động vật khác. +Rắn hổ mang: Thức ăn của rắn là: gà, chuột, ếch, nhái. Rắn cũng là thức ăn của con người. +Gà: Thức ăn của gà là: thóc, sâu bọ, côn trùng, cây rau non và gà cũng là thức ăn của đại bàng, rắn hổ mang.</p> <p>-Từ cây lúa. -Nhận đồ dùng và hoạt động trong nhóm theo hướng dẫn của GV. -Nhóm trưởng điều khiển để lần lượt từng thành viên giải thích sơ đồ. -Đại diện 2 nhóm dán sơ đồ lên bảng và trình bày.</p>

3.Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Củng cố nội dung bài.

Buổi chiều:

Đạo đức

dành cho địa phương: Vệ sinh trường lớp

I.Mục tiêu:

- Giúp cho HS biết cách vệ sinh trường lớp.
- Có ý thức vệ sinh trường lớp sạch sẽ.

II.Đồ dùng:

HS chuẩn bị: Giẻ lau, chậu, chổi...

III.Nội dung:

1.GV phân công học sinh cả lớp vệ sinh trường lớp:

- Tổ 1: Lau bàn, ghế, bảng.
- Tổ 2: Lau cửa sổ, cửa ra vào.
- Tổ 3: Quét lớp.

2.Phân công mang dụng cụ:

- Tổ 1: Mang giẻ lau, chậu, xô.
- Tổ 2: Mang giẻ lau, chậu, xô.
- Tổ 3: Mang chổi lùa, chổi chít.

3.Tiến hành lao động:

- Các tổ thực hiện theo đúng nhiệm vụ của tổ mình được phân công.
- GV đi quan sát các tổ làm và nhắc nhở những tổ nào làm chưa tốt.

4.Tổng kết:

- GV đánh giá, nhận xét.
 - Tuyên những cá nhân, những tổ làm tốt.
 - Nhắc nhở những tổ, cá nhân làm chưa tốt.
-

Luyện tiếng việt

Luyện tập Mở rộng vốn từ: Lạc quan - yêu đời

I.Mục tiêu:

- Tiếp tục mở rộng hệ thống hóa vốn từ về tinh thần lạc quan, yêu đời.
- Tìm được từ ghép, từ láy có tiếng vui đứng trước hoặc đứng sau.

II.Đồ dùng dạy học:

Chuẩn bị nội dung bài.

III.Các hoạt động dạy - học:

1.Giới thiệu: